

Bản án số: **86/2026/HS-PT**

Ngày: 15 - 6 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Bà Hoàng Ngọc Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Hằng - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Cao Minh - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (**Cơ sở C**) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2026/TLPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H**, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. NGUYỄN VĂN T, sinh ngày 03/5/1991 tại Phú Thọ. Nơi cư trú: **Tổ I, phường K, tỉnh Phú Thọ**; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số 017091004875; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Nguyễn Văn T1** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1960; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2025 đến ngày 24/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN VĂN H, sinh ngày 20/5/1989 tại Phú Thọ. Nơi cư trú: **Tổ I, phường K, tỉnh Phú Thọ**; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số 017089004708; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Nguyễn Hồng L**, sinh năm 1957 và bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1962; Vợ: **Phùng Thị T3**, sinh năm 1989; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2025 đến ngày 24/9/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo, các bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng chiều tối ngày 13/9/2025, **Triệu Viết Đ** nhắn tin rủ **Nguyễn Văn T** lên đồi Chóp Nón tìm tổ ong, nếu có trâu đi lạc thì bắt trộm lấy thịt, **T** đồng ý.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 14/9/2025, **Triệu Viết Đ** cùng **Triệu Văn Đ1** và **Triệu Tiến S** đều là người cùng xóm **M** đi ăn sáng tại khu vực **Phố B, phường K**. Trong khi ăn sáng, **Đ** rủ **Đ1** và **S** lên khu vực đồi Chóp Nón kiếm ong, cả hai đồng ý. Sau đó **Đ** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen bạc, biển kiểm soát 28E1-041.26 của mình đi lên đồi trước; **Đ1** và **S** về nhà, hẹn sau sẽ lên.

Cũng trong thời điểm này **Nguyễn Văn T** gọi điện rủ **Nguyễn Văn H** lên đồi tìm ong, **H** đồng ý và hẹn gặp tại nhà ở của **Đ**. Khoảng 08 giờ cùng ngày, **T** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đỏ, biển kiểm soát 29P1-581.16; **H** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave S màu đen xám, biển kiểm soát 30N6-0242 đến nhà **Đ**. Trên đường đi đến khu vực **đỉnh dốc C, phường K**, **T** dừng xe lấy một túi thường dùng đựng cần câu cá, bên trong có cất giấu một khẩu súng hai nòng bắn đạn ghém mà **T** nhặt được và giấu tại đây từ trước, rồi tiếp tục đi đến nhà **Đ**.

Do **Đ** không có ở nhà nên **T** và **H** sang nhà **S** rủ **S** cùng lên đồi tìm ong và xem có trâu lạc thì bắt trộm, **S** đồng ý. Khi đang đứng tại cổng nhà Sinh thì gặp **Đ1**, **T** và **H** rủ **Đ1** cùng đi lên rừng kiếm ong và tìm trâu lạc, **Đ1** đồng ý.

Sau đó **T**, **H** và **Đ1** mỗi người điều khiển một xe mô tô (**Đ1** điều khiển xe Wave màu trắng đen, biển kiểm soát 28B1-195.33) đi lên khu vực đồi Chóp Nón; Sinh sau đó một mình điều khiển xe mô tô Wave màu trắng đen, biển kiểm soát 36G1-308.94 đi lên sau. Khi đến khu vực **đồi C thuộc xóm M, phường K** thì không thể tiếp tục đi xe máy được nữa nên các đối tượng để xe lại và đi bộ lên đồi. Lúc này **T** phát hiện để quên túi nilon đựng 02 viên đạn tại nhà **Đ** nên nhờ **Đ1** gọi điện cho **Đ2** sang nhà **Đ** lấy túi nilon đựng đạn mang lên. **Đ2** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh đen, biển kiểm soát 28H1-44361 đến nhà **Đ** lấy túi nilon đựng đạn theo lời mô tả của **Đ1** rồi mang lên đồi đưa cho **T**.

Sau đó **Đ** gọi điện cho **Đ1** thông báo phát hiện một con trâu màu lông xám đang mắc dây rào gần vị trí của **Đ**. Nghe vậy, **Đ1** cùng **T**, **H** và **Đ2** tìm đến vị trí con trâu với mục đích bắt trộm. Khi đến nơi, **H** sử dụng khẩu súng của **T** (đã được **T** nạp đạn từ trước) bắn một phát về phía con trâu nhưng không trúng, con trâu lồng lên bỏ chạy về phía đỉnh đồi; đồng thời có người hô “Ai đấy” nên các đối tượng sợ bị phát hiện đã bỏ chạy, **T** và **H** chạy theo một hướng, còn **Đ1**, **Đ** và **Đ2** chạy theo hướng khác.

Khi **Đ1**, **Đ** và **Đ2** chạy lên đến đỉnh đồi thì gặp **S**; một lúc sau **T** và **H** cũng đến nơi. Tại đây cả sáu người gồm **T**, **H**, **Đ2**, **Đ1**, **Đ** và **S** trao đổi về việc phát hiện con trâu mắc rào và việc **H** đã bắn trượt trước đó, sau đó thống nhất chia nhau đi tìm con trâu để bắt trộm.

Trong quá trình tìm kiếm, Đ2 và S đi xuống khu vực lán công nhân. Tại đây gặp hai người đàn ông (không rõ tên, tuổi, địa chỉ), một người dáng béo, da trắng và một người dáng gầy, da đen. Ông ngồi nói chuyện với người đàn ông dáng béo; còn S cùng người đàn ông dáng gầy đi xung quanh khu vực lán xem có tổ ong. Trên đường đi, người đàn ông dáng gầy nói nhìn thấy một con trâu đang mắc dây nên dẫn Sinh đến gần vị trí con trâu. Khi hai người đến gần thì con trâu lao về phía họ, cả hai tránh được, con trâu tiếp tục chạy về phía đường dân sinh lên đỉnh đồi. Sinh và người này chạy đuổi theo nhưng không kịp nên quay lại lán. Trong khi đó, tại lán công nhân, Đ2 và người đàn ông dáng béo nói chuyện; người này nói nếu bắt được trâu thì cho họ xin một ít thịt.

Sau đó Đ2 và S tiếp tục đi lên đỉnh đồi tìm trâu và gặp Đ1, Đ. Cùng thời điểm này, T phát hiện con trâu chạy qua nên dùng súng bắn một phát trúng con trâu, con trâu chạy thêm một đoạn thì chết. T gọi mọi người đến nơi con trâu chết; một lúc sau H, S, Đ1, Đ2 và Đ đến nơi. Cả nhóm thống nhất kéo con trâu đến vị trí không có người qua lại để mổ trâu lấy thịt. T, H, Đ1, Đ2 và S sử dụng các dao mang theo thay nhau mổ thịt, còn Đ đứng canh giới trên đường.

Sau khi mổ xong, các đối tượng lấy bốn đùi trâu, một phần thịt và một ít nội tạng cho vào bao tải, vận chuyển bằng xe mô tô của Đ2 và Đ lên đỉnh đồi, sau đó chia lên các xe còn lại chở về nhà Đ1. Tại nhà Đ1; T, H, Đ2, Đ1, Đ và S thống nhất chia số thịt trâu thành sáu phần bằng nhau, mỗi người lấy một phần mang về; riêng T được chia thêm khoảng 02kg thịt do đã mang theo súng.

Đến ngày 15/9/2025, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Triệu Tiên S, Triệu Tiên Đ2, Triệu Viết Đ, Triệu Văn Đ1 nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên đã đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và giao nộp lại các công cụ, đồ vật, phương tiện liên quan.

*** Kết quả định giá tài sản:**

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 165/KL-HĐĐGTS ngày 26/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND tỉnh P có Kết luận:

+ Giá trị của 22kg thịt trâu tại thời điểm ngày 14/9/2025 có giá trị $(22 \times 165.000) = 3.630.000$ đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Giá trị một phần đầu con trâu trọng lượng 13,4kg tại thời điểm ngày 14/9/2025 có giá trị là $(13,4 \times 50.000) = 670.000$ đồng (Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

+ Giá trị phần da và các bộ phận nội tạng của con trâu có trọng lượng 62kg tại thời điểm ngày 14/9/2025 có giá trị là $(62 \times 48.333) = 2.996.646$ đồng. Làm tròn số 2.997.000 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 05/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường K, tỉnh Phú Thọ có Kết luận: “01 (một) con Trâu đực khoảng 4 tuổi, trọng lượng khoảng 200kg có giá trị tài sản tại thời điểm tháng 9/2025 là 21.000.000Đ (Hai mươi một triệu đồng)”.

- Tại Bản Kết luận giám định số 7199/KL-KTHS ngày 02/10/2025 của **V Bộ C1** có Kết luận: “*Khẩu súng gửi giám định là súng bắn đạn ghém cỡ 16, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện tại, khẩu súng còn sử dụng để bắn được*”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ đã quyết định: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Văn T**; Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H** 09 tháng tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo **Triệu Viết Đ**, **Triệu Văn Đ1**, **Triệu Tiến Đ2**, **Triệu Tiến S**; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/3/2026 các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H** có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, xin giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thời hạn kháng cáo và thủ tục thực hiện quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện trong thời hạn và đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nêu tóm tắt nội dung và quyết định của bản án đối với từng bị cáo trong vụ án, phân tích cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và các đồng phạm. Xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Văn H** là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên tại phiên tòa Phúc thẩm các bị cáo có nộp thêm tình tiết giảm nhẹ mới như có bố đẻ, bác và chú là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó có căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H**. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ, theo hướng giảm một phần hình phạt cho các bị cáo từ 01 tháng đến 02 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1]. Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, những người tham gia tố tụng không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, các bị cáo có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong cùng vụ án và lời khai bị hại, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ đã xét xử các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin được giảm hình phạt của các bị cáo:

Hội đồng xét xử thấy rằng trong vụ án này, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H**, mỗi bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo đã cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ mới, các bị cáo có bác ruột là **Nguyễn Thị N** được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, bố đẻ và chú ruột là **Nguyễn Hồng L** được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phù hợp với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Tuy nhiên việc bản án sơ thẩm tuyên: “Xử phạt các bị cáo **Triệu Văn Đ1**, **Triệu Tiến Đ2**, **Triệu Tiến S** 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn H** 09 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ còn phải chấp hành 8 tháng 21 ngày, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án” là chưa bảo đảm việc phân hóa vai trò đồng phạm và xem xét cá thể hoá trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Đồng thời việc cấp sơ thẩm tuyên án chung đối với các bị cáo, mà không tuyên cụ thể các Điều luật, các điểm, khoản, đối với từng bị cáo là không đúng với quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 17/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ, cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/9/2025 đến ngày 24/9/2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/9/2025 đến ngày 24/9/2025.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/6/2026).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 - Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 - Phú Thọ;
- Phòng THADS KV 12 - Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng